

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1224/2026/DS-ST
Ngày: 17/6/2026
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.
- Ông Phạm Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1102/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1488/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2054/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên M**

Địa chỉ: P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 17/4/2025) – Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Thành T**, sinh năm: 1982 – Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: F, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2025, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M(Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 12/4/2023, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M(Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4515819 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho ông Đỗ Thành T với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng được giải ngân ngày 12/4/2023 với mức lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Đỗ Thành T, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Đỗ Thành T. Theo HĐTD, ông Đỗ Thành T có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/4/2026 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Đỗ Thành T chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 19 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là: 45.904.820 đồng. Đến ngày 14/11/2024 ông Đỗ Thành T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty đã giải ngân.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Đỗ Thành T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Đỗ Thành T biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Đỗ Thành T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Đỗ Thành T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Đỗ Thành T thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 10/04/2026 là: 52.073.351 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.669.257 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 13.117.885 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.086.834 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Thành T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Thành T đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đỗ Thành T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M(Việt Nam) có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2026 là: 55.938.247 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.669.257 đồng; số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng; số tiền lãi quá hạn: 16.804.818 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.264.797 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Thành T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 18/6/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn ông Đỗ Thành T vắng mặt không có lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M(Việt Nam) khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Đỗ Thành T, do ông Đỗ Thành T có nơi cư trú tại xã H, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Đỗ Thành T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M yêu cầu buộc bị đơn ông Đỗ Thành T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 17/6/2026 là: 55.938.247 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.669.257 đồng. Số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 16.804.818 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 1.264.797 đồng. Ngoài ra, công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Thành T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 18/6/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M phê duyệt ngày 12/4/2023 thì giữa ông Đỗ Thành T và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M có ký kết hợp đồng vay vốn tổng số tiền vay là 38.772.000 đồng trong đó khoản vay là 36.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 2.772.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất: 4.83%/tháng tương đương là 58%/năm với mục đích mua hàng.

Căn cứ Báo cáo thu hồi nợ vay Hợp đồng tín dụng do Công ty tài chính TNHH một thành viên M cung cấp thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ ông T đã thanh toán trả góp cho công ty được 19 kỳ với tổng số tiền là 45.904.820 đồng. Trong đó nợ gốc đã trả là: 12.102.743 đồng; nợ lãi đã trả là: 33.574.077 đồng (bao gồm 4.912 đồng tiền lãi chậm trả); phí đã trả: 228.000 đồng. Kể từ ngày 14/11/2024 ông Đỗ Thành T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với công ty. Do ông Đỗ Thành T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả theo quy định Hợp đồng tín dụng mà ông Đỗ Thành T đã ký với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng*

thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc... ”.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.*

Căn cứ vào Điều 7 của Bản Điều khoản và điều kiện thể hiện: *“MAFC có quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được MAFC chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Khi đó, MAFC sẽ gửi thông báo cho Khách Hàng về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các cách thức được đề cập tại Điều 12 BDK&ĐK này. Trách nhiệm của Khách Hàng phát sinh từ việc chuyển nợ quá hạn không phụ thuộc vào việc thông báo của MAFC. Nội dung thông báo về việc chuyển nợ quá hạn căn cứ theo quy định pháp luật tại từng thời điểm”.*

Xét thấy ông Đỗ Thành T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty Tài chính TNHH một thành viên M thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho công ty đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận được ký kết trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thành T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 26.669.257 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tạm tính đến ngày 17/6/2026 là 29.268.990 đồng (số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng; số tiền lãi quá hạn: 16.804.818 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.264.797 đồng) và buộc ông Đỗ Thành T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho công ty, bị đơn ông Đỗ Thành T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và công ty đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Đỗ Thành T sang nợ quá hạn là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M về việc buộc bị đơn ông Đỗ Thành T phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 17/6/2026 là 29.268.990 đồng (số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng; số tiền lãi quá hạn: 16.804.818 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.264.797 đồng) và buộc ông Đỗ Thành T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng cho

đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M là có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M được chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) đối với bị đơn ông Đỗ Thành T về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc bị đơn ông Đỗ Thành T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/06/2026 là: 55.938.247 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.669.257 đồng; số tiền lãi trong hạn: 11.199.375 đồng; số tiền lãi quá hạn: 16.804.818 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.264.797 đồng

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 18/6/2026 ông Đỗ Thành T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đỗ Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.796.912 (hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm mười hai) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 843.438 (tám trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0030587 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân (2);
- Thi hành án dân sự TPHCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền